TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2026/HS-ST
Ngày: 27-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Trung Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Trương Thành N, sinh ngày 29/01/2001 tại tỉnh Vĩnh Long; trú tại: ấp Ô, xã V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ (chết) và bà Trần Thị M; tiền sự: 01 lần, ngày 28/11/2024 bị Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 2.500.000đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, đã nộp phạt xong ngày 12/3/2025; tiền án: không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1974 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Lê Thị Thu S, sinh năm 1977 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long

3. Chị Lê Thị Út D, sinh năm 1989 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp K, phường P, tỉnh Đồng Nai

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Hồng L, sinh năm 1985 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: số A, ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1976 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Đặng Văn L1, sinh năm 2000 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh Võ Minh T2, sinh năm 1990 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Anh Lê Đông N1, sinh năm 1985 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

6. Anh Lê Công M1, sinh năm 1999 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

7. Anh Nguyễn Hoàng T3, sinh năm 1987 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Trương Hoàng P, sinh năm 1998 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh Phạm Lê N2, sinh năm 1991 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 16/5/2025, Trương Thành N phát hiện nhà anh Nguyễn Nhựt T, thường trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp G, xã V, tỉnh Vĩnh Long), có nuôi nhốt con gà trống trong bội nên nảy sinh ý định lấy trộm. Đến khoảng 01 giờ ngày 17/5/2025, N đang đứng ở cửa phòng trọ thuộc ấp K, xã H (nay là xã V) thì có Đặng Văn L1, sinh năm 2000, thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long), điều khiển xe mô tô (loại Dream, không nhớ biển số) chạy đến. N nhờ L1 chở về nhà ngoại và L1 điều khiển xe chở N về hướng cầu K, rẽ vào đường nhựa về xã T (cũ). Khi đến gần cầu T (cách nhà anh T khoảng 300 mét) thì N nói "tới rồi" nên L1 dừng lại cho N xuống, rồi chạy xe đi. Lúc này khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17/5/2025, N đi bộ vào nhà anh T tìm bắt trộm gà nhưng không thấy. Sau đó N nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 51R2 - 2678 đậu cặp bên hông nhà, chìa khóa còn cắm trên xe nên lấy trộm xe mô tô dẫn ra lộ nhựa, khởi động xe chạy đi cất

giấu trong vườn cam gần Trường trung học phổ thông H1, rồi đi bộ về phòng trọ ngủ. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, N đến vườn cam lấy xe mô tô 51R2 - 2678 điều khiển đến tiệm cầm đồ Thông Nhìn của anh Võ Minh T2, thường trú ấp K, xã H (nay là xã V) cầm được 6.000.000đồng (sáu triệu đồng). Đến khoảng 10 giờ cùng ngày có L1 đến phòng trọ chơi, khi nghe L1 nói không có tiền để thuê nhà thì N cho L1 mượn 2.500.000đồng, còn lại N tiêu xài cá nhân.

Đến đầu tháng 6 năm 2025 (không nhớ ngày), lúc gặp nhau tại chợ H2, N nói cho Lê Đông N1, thường trú ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long) biết việc mua lại xe mô tô cũ biển số 51R2 - 2678 chưa sang tên, không có tiền xài nên đã cầm xe và không có khả năng chuộc. N kêu N1 chuộc xe về sử dụng thì N1 đồng ý và N đưa giấy cầm xe cho N1. Sau đó, N1 đến tiệm C, chuộc xe mô tô biển số 51R2 - 2678 với giá 6.500.000đồng, mang về sử dụng. Đến ngày 09/6/2025 N1 đưa xe cho Phạm Lê N2, thường trú ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long) đi đến xã T thì bị anh Nguyễn Khang T4, ngụ ấp V, xã T (cũ), là bạn của anh T phát hiện và trình báo Công an.

Vật chứng được thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ, biển số 51R2 - 2678 do Phạm Lê N2 giao nộp.

- 01 giấy cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Thông Nhìn, ghi ngày 20/4/2025 (âm lịch) do Võ Minh T2 giao nộp.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 51R2 - 2678 do Lê Đông N1 giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KLHĐ-ĐGTS ngày 25/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: xe mô tô biển số 51R2 - 2678 có giá trị đến ngày 17/5/2025 là: 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Trong quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V giải quyết nguồn tin trộm cắp xe mô tô biển số 51R2 - 2678 thì Trương Thành N tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/7/2025, Trương Thành N cầm cây vợt và cái xô nhựa đi bộ dọc theo tuyến đường đal thuộc ấp R để bắt ốc. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ngang nhà ông Lê Minh T5, thường trú ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long, thì N phát hiện chị Lê Thị Thu S, thường trú ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long và chị Lê Thị Út D, thường trú ấp K, phường P, tỉnh Đồng Nai, cùng bé Lê Q, sinh năm 2015 (con chị D) đang nằm ngủ trên nền gạch hành lang trước cửa nhà, để 02 điện thoại di động trên nền gạch, cách hành rào kim loại B40 khoảng 03 mét. N đưa cây vợt qua khe hở hàng rào, vợt lấy 02 chiếc điện thoại (01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A91 màu xanh và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh), rồi vứt bỏ cây vợt xuống kênh nước, mang 02 điện thoại về phòng trọ cất giấu. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, có Lê Công M1 và Trương Hoàng P đến gặp N đòi số tiền 1.500.000đồng mà N nợ trước đó. Do không có tiền trả nên N lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A91 đưa M1 đi cầm. M1 mang điện thoại

OPPO A91 đến tiệm cầm đồ của Nguyễn Hoàng T3 được 1.500.000đồng và trở về phòng trọ gặp N. N đồng ý trả cho M1 hết số tiền 1.500.000đồng. Chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax thì N cất giữ.

Vật chứng được thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, (loại 128GB), màu xanh, bên trong có lắp thẻ sim số 0937.477721 và sim số 0949.719109, đã qua sử dụng, do Trương Thành N giao nộp.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A91, màu xanh, số IMEI 1: 860154043495559, số IMEI 2: 860154043495542, bên trong có lắp sim số +84776935095, đã qua sử dụng, do Nguyễn Hoàng T3 giao nộp.

- Đối với cây vợt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm kiếm được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 268/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2025 của Hội đồng định giá thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh V kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A91, màu xanh đã qua sử dụng, mua vào tháng 9 năm 2020 có giá trị tại thời điểm ngày 03/7/2025 là 1.330.000đồng (Một triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, (loại 128GB), màu xanh, đã qua sử dụng, mua vào khoảng tháng 9 năm 2022 có giá trị tại thời điểm ngày 03/7/2025 là 9.670.000đồng (Chín triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà bị can Trương Thành N lấy trộm ngày 03/7/2025 là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Ngày 04/10/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 51R2 - 2678 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Minh T1.

- Ngày 23/10/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức: Trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, (loại 128GB), có lắp thẻ sim số 0937.477721 và sim số 0949.719109 cho chị Lê Thị Út D; Trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A91, số IMEI 1: 860154043495559, số IMEI 2: 860154043495542, bên trong có lắp sim số +84776935095 cho chị Lê Thị Thu S.

- Đối với 01 giấy cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Thông Nhìn, ghi ngày 20/4/2025 (âm lịch) được đóng bút lục và lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 51R2 - 2678 đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Anh Nguyễn Nhựt T không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

- Chị Lê Thị Thu S và Lê Thị Út D đã nhận lại tài sản là 02 chiếc điện thoại di động nên không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

- Đối với chị Nguyễn Hồng L, là người đứng tên đăng ký xe mô tô biển số 51R2 - 2678; chị L đã bán xe năm 2006 cho người không rõ họ, tên, địa chỉ và không làm thủ tục sang tên. Hiện nay chị L không có yêu cầu gì.

- Đối với anh Nguyễn Minh T1 đã mua lại xe mô tô biển số 51R2 - 2678 nhưng không làm thủ tục sang tên và đã cho anh T mượn xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã thu hồi và trả xe cho anh T1. Hiện anh T1 không có yêu cầu gì.

- Đối với Đặng Gia L2, quá trình điều tra không chứng minh được L2 có vai trò đồng phạm với N về tội trộm cắp tài sản và cũng không chứng minh được L2 có hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với số tiền 2.500.000đồng mà bị cáo N đưa, nên hành vi của L2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Đối với Võ Minh T2, không biết rõ xe mô tô biển số 51R2 - 2678 là tài sản do phạm tội mà có; đã đồng ý cầm xe với giá 6.000.000đồng nên hành vi của anh T2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Đối với Lê Đông N1 không biết rõ xe mô tô biển số 51R2 - 2678 là tài sản do người khác phạm tội mà có; đã đồng ý chuộc xe với giá 6.500.000đồng để làm phương tiện sử dụng, nên hành vi của anh N1 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hiện nay, anh N1 yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 6.500.000 đồng chuộc xe.

- Đối với Lê Công M1 không biết điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A91 là tài sản do người khác phạm tội mà có; đã đồng ý đi cầm điện thoại dùm N nhằm mục đích để lấy tiền cấn trừ tiền mà N thiếu, nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Đối với Nguyễn Hoàng T3 không biết điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A91 là tài sản do người khác phạm tội mà có; đã đồng ý cầm điện thoại và đã giao nộp điện thoại cho cơ quan điều tra, nên hành vi của anh T3 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Anh Tú yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 1.500.000đồng cầm điện thoại.

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSKV4 ngày 08/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân nhân Khu vực 4 - Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Trương Thành N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long đề nghị: Tuyên bố bị cáo Trương Thành N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Thành N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Trương Thành N có nghĩa vụ

trả cho anh Lê Đông N1 6.500.000đồng; Buộc bị cáo Trương Thành N có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng T3 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Về biện pháp tư pháp: Đối với tiền 2.500.00đồng bị cáo cho Đặng Gia L2 mượn đề nghị giải quyết bằng vụ án dân sự khi các bên có yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Trương Thành N nộp 200.000đồng án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, có thái độ ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và người có quyền lợi liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản trình bày trong hồ sơ vụ án như nội dung trình bày như cáo trạng của Viện kiểm sát,

Bị cáo nói lời sau: bị cáo không có nói lời sau cùng gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người tham gia tố tụng như bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên việc xét xử vắng mặt những người trên của Hội đồng xét xử là phù hợp pháp luật.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo Trương Thành N tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra thu thập, qua đó xác định: Để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Trương Thành N đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17/5/2025, bị cáo Trương Thành N lén lút thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 51R2 - 2678, trị giá

5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) của anh Nguyễn Nhựt T tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp G, xã V, tỉnh Vĩnh Long).

Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 03/7/2025 tại nhà của ông Lê Minh T5, thuộc ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Trương Thành N đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A91 của chị Lê Thị Thu S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax của chị Lê Thị Út D. Tổng giá trị của 02 chiếc điện thoại là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trương Thành N đã lén lút trộm cắp có giá trị là 16.500.000đồng (Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Từ đó, có căn cứ xác định quy kết bị cáo Trương Thành N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân đã truy tố.

Hành vi của bị cáo Trương Thành Nghĩa L3 nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực hành vi hình sự, nhận thức được việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi nhằm mục đích bán tiêu xài cá nhân. Sau khi bị cáo trộm xe bị phát hiện nhưng bị cáo lại tiếp tục lấy trộm điện thoại của chị S và chị D. Bản thân bị cáo cũng có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không biết khắc phục, sửa chữa bản thân mình, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật nên cần thiết phải xử lý nghiêm và cần thiết cách ly bị cáo ngoài xã hội một thời gian để nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện 02 lần hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lê Đông N1 yêu cầu bị cáo Trương Thành N trả cho anh 6.500.000đồng (sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Bị cáo đồng ý nên ghi nhận.

Anh Nguyễn Hoàng T3 yêu cầu bị cáo Trương Thành N có nghĩa vụ trả cho anh 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) Bị cáo đồng ý nên ghi nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền bị cáo đưa cho anh Đặng Gia L2 2.500.00đồng nên buộc anh L2 có nghĩa vụ giao nộp lại để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

[9] Đối với Đặng Gia L2, quá trình điều tra không chứng minh được L2 có vai trò đồng phạm với bị cáo N về tội trộm cắp tài sản và cũng không chứng

minh được L2 có hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên chưa có căn cứ xử lý L2.

[10] Đối với Võ Minh T2, không biết rõ xe mô tô biển số 51R2 - 2678 là tài sản do phạm tội mà có; đã đồng ý cầm xe với giá 6.000.000đồng nên hành vi của anh T2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[11] Đối với Lê Đông N1 không biết rõ xe mô tô biển số 51R2 - 2678 là tài sản do người khác phạm tội mà có, đã đồng ý chuộc xe nên chưa có căn cứ xử lý N1.

[12] Đối với Lê Công M1 không biết điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A91 là tài sản do người khác phạm tội mà có, đã đồng ý đi cầm điện thoại cho N nhằm mục đích để lấy tiền cấn trừ tiền mà N nợ, nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[13] Đối với Nguyễn Hoàng T3 không biết điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A91 là tài sản do người khác phạm tội mà có, đã đồng ý cầm điện thoại và đã giao nộp điện thoại cho cơ quan điều tra, nên hành vi của anh T3 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý T3.

[14] Về vật chứng:

Bị hại đã nhận lại xe do bị cáo trộm, không yêu cầu gì nên miễn xét.

[15] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Trương Thành N nộp 200.000đồng án phí hình sự và 400.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Xét đề nghị của Kiểm sát viên so với nhận định trên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trương Thành N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trương Thành N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo Trương Thành N kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trương Thành N có nghĩa vụ trả anh Lê Đông N1 6.500.000đồng (sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Trương Thành N có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng T3 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) .

Kể từ ngày anh N1, anh T3 có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bị cáo chưa bồi thường cho ông Lê Anh T6 và bà Nguyễn Thị Mỹ H xong thì phải chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về biện pháp tư pháp:

Buộc Đặng Gia L2 nộp số tiền 2.500.00đồng nhưng giao Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo Trương Thành N.

4. Về án phí hình sơ thẩm:

Buộc bị cáo Trương Thành N nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự và 400.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 600.000đ(năm trăm ngàn đồng)

Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Sở Tư pháp: 01;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh VL: 01;
- VKSND Khu vực 4- Vĩnh Long: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh VL: 02;
- Phòng THADS khu vực 4 -VL: 01;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Vĩnh Xuân
- Bị cáo: 01;
- Bị hại: 03;
- Người LQ: 07;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

Hồ Hoàng Phong